

Số: **23** /2013/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày **30** tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế quản lý thoát nước đô thị
trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28 tháng 5 năm
2007 về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 của Chính phủ về việc
xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí
bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về
Quản lý xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất
động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ
tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Thông tư 09/2009/TT-BXD ngày 21/5/2009 của Bộ Xây dựng Quy
định chi tiết thực hiện một số nội dung của Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày
28/5/2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 102/TTr-SXD ngày 27/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý thoát nước đô
thị trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở; Thủ
trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy
ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách
nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trung tâm Công báo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, XDGB, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Sinh

Thái Bình, ngày tháng 12 năm 2013

**QUY CHẾ QUẢN LÝ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND ngày 30/12/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho các hoạt động thoát nước sinh hoạt ngoài nhà tại các đô thị, không bao gồm các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
2. Quy chế này quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước sinh hoạt ngoài nhà tại các đô thị không bao gồm các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đối với các khu dân cư tập trung ở nông thôn có điều kiện xây dựng hệ thống thoát nước tập trung thì khuyến khích áp dụng Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nước mưa là nước do mây ngưng tụ rơi xuống.
2. Bùn là cặn bã hữu cơ, vô cơ có trong nước thải hoặc nước mưa.
3. Hồ kiểm tra là một thành phần của hệ thống thoát nước công cộng dùng để kiểm tra và làm sạch hệ thống cống bên trong của hệ thoát nước tương ứng.
4. Ống đầu nối là đường ống nối từ hồ kiểm tra ra cống cấp 3, cấp 2 hoặc cấp 1.
5. Cống bao là tuyến cống chính có cửa tràn để thu và truyền tải nước thải về nhà máy xử lý nước thải hoặc các trạm bơm nước thải cục bộ.
6. Các hộ xả thải trực tiếp (hoặc hệ thoát nước đơn lẻ) là hộ xả nước mưa, nước thải trực tiếp vào môi trường, không xả vào hệ thống cống thoát.
7. Các gia đình, cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ xả nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước công cộng gọi chung hộ xả nước gián tiếp (hoặc là hệ thoát nước).
8. Khách hàng là đối tượng có sử dụng các dịch vụ thoát nước và ký hợp đồng dịch vụ với cơ quan vận hành hệ thống thoát nước.
9. Đơn vị vận hành hệ thống thoát nước (hoặc đơn vị thoát nước) là tổ chức được chủ sở hữu lựa chọn để quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống thoát nước cung cấp các dịch vụ thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành.
10. Dịch vụ thoát nước là dịch vụ đô thị mà đơn vị được giao quản lý vận hành cung cấp, bao gồm dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải và nước mưa.

11. Các hoạt động thoát nước là tất cả các hoạt động có liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ thoát nước từ khâu đầu tư vào hệ thống thoát nước, lập kế hoạch thiết kế, quản lý, thu gom, xử lý, vận hành và bảo dưỡng.

12. Vận hành và bảo dưỡng là toàn bộ các hoạt động thường nhật hoặc định kỳ của đơn vị quản lý vận hành để đảm bảo hệ thống thoát nước hoạt động một cách hiệu quả và lâu dài.

13. Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị quản lý vận hành với hộ thoát nước.

14. Tiêu chuẩn dịch vụ là mức độ chất lượng dịch vụ, phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan do đơn vị quản lý vận hành đề ra và cam kết thực hiện.

15. Hợp đồng quản lý vận hành là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu hệ thống thoát nước và đơn vị quản lý vận hành được chủ sở hữu lựa chọn để quản lý vận hành một phần hoặc toàn bộ hệ thống thoát nước đó.

16. Biểu phí thoát nước là bảng giá tính theo đơn vị mà hộ thoát nước phải trả cho các dịch vụ thoát nước.

17. Phí dịch vụ thoát nước là tổng số tiền mà hộ thoát nước phải trả theo hợp đồng dịch vụ.

18. Giếng tách là hố ga thực hiện việc đưa nước thải vào tuyến cống thu gom khi trời không mưa và xả nước mưa vào tuyến cống dẫn nước mưa khi trời có mưa.

19. Ống áp lực là tuyến cống dẫn nước thải có áp suất cao hơn áp suất khí quyển.

20. Cửa vận hành cống hộp là các cửa qua cống hộp phục vụ cho công tác nạo vét bảo dưỡng các tuyến cống hộp.

21. Các quy định liên quan khác là các quy định có hiệu lực pháp luật của Nhà nước Việt Nam hoặc các quy định khác được Chính phủ Việt Nam cho phép áp dụng mà việc áp dụng bất kỳ nội dung nào trong đó có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến công tác quản lý nước thải.

Điều 3. Các thành phần của hệ thống thoát nước

Hệ thống thoát nước bao gồm:

1. Mạng lưới thoát nước cấp 1 gồm: Hệ thống cống bao, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh mương, sông, ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực, vùng hoặc liên vùng;

2. Mạng lưới thoát nước cấp 2 gồm: Hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa đến hệ thống thoát nước cấp 1.

3. Mạng lưới thoát nước cấp 3 gồm: Các cống dọc các đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt tới mạng lưới thoát nước cấp 1 và cấp 2.

4. Công trình trên hệ thống thoát nước gồm:

- Hố kiểm tra, ga thăm, cửa thu nước mưa lề đường, cửa tràn tách nước...;
- Trạm bơm nước thải, nước mưa, cống liên quan tới trạm bơm;
- Hồ điều hòa và kênh mương;

- Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận;
- Nhà máy xử lý nước thải, phòng thí nghiệm;
- Công trình xử lý bùn cặn.

Điều 4. Các hành vi bị cấm trong thoát nước đô thị

Các hành vi sau đây về thoát nước trên địa bàn tỉnh bị cấm:

1. Phá hoại các công trình của hệ thống thoát nước.
2. Cản trở các hoạt động kiểm tra, thanh tra các hoạt động thoát nước.
3. Không tuân thủ các quy định về cao độ nền đất khi xây dựng mới, nâng cấp và cải tạo các công trình xây dựng trong đô thị.
4. Đấu nối tùy tiện hoặc không theo đúng thỏa thuận với đơn vị quản lý vận hành.
5. Xả nước thải không đạt quy chuẩn chất lượng xả thải vào các hệ thống thoát nước hoặc nguồn tiếp nhận.
6. Pha loãng nước thải để đạt quy chuẩn chất lượng xả thải hoặc đưa chất gây ô nhiễm vào môi trường không khí hoặc đất.
7. Bịt các cửa thu nước hoặc xả các chất không phải là nước mưa hoặc nước thải vào hệ thống thoát nước.
8. Cung cấp thông tin sai lệch làm ảnh hưởng xấu tới quyền lợi của các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động thoát nước.
9. Lợi dụng chức quyền để làm phiền hà hoặc đe dọa các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động thoát nước.
10. Các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nước thải.
11. Sử dụng nước thải chưa qua xử lý để tưới cây hoặc sử dụng vào các mục đích khác gây ảnh hưởng xấu tới môi trường và sức khỏe con người.
12. Lấn chiếm, xây dựng các công trình trong hành lang bảo vệ của công trình thoát nước.
13. Sử dụng các công trình thoát nước vào các mục đích khác gây ảnh hưởng tới việc quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống thoát nước.

Điều 5. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Ủy ban nhân dân các đô thị là chủ sở hữu toàn bộ hệ thống thoát nước:
 - a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước;
 - b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới trên địa bàn quản lý;
 - c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh công trình thoát nước có thời hạn trên địa bàn quản lý;
2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh được phép sở hữu, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.
3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân thành phố, thị trấn (nếu có quy định trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư).

Điều 6. Áp dụng các quy chuẩn xả thải

1. Nước thải từ hệ thống thoát nước thành phố, thị trấn và các hộ thoát nước trực tiếp xả ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt.

2. Nước thải khác (không phải nước thải sinh hoạt) khi xả vào hệ thống thoát nước đô thị phải đạt quy chuẩn xả thải trực tiếp vào hệ thống theo đúng quy định. Trường hợp không đạt quy chuẩn, phải được xử lý sơ bộ cho đạt quy chuẩn trước khi xả vào hệ thống.

3. Các hộ xả gián tiếp nước thải phải xử lý sơ bộ trước khi đưa vào hệ thống thoát nước nếu chất lượng nước thải phát sinh vượt quá các trị số xả thải theo quy định.

Điều 7. Hợp đồng quản lý vận hành

Hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị quản lý vận hành với nội dung chính quy định tại Thông tư 09/2009/TT-BXD ngày 21/5/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết thực hiện một số nội dung của Nghị định 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp.

CHƯƠNG II

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 8. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Nội dung cơ bản của hợp đồng dịch vụ thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp và Phụ lục 2 của Thông tư 09/2009/TT-BXD ngày 21/5/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết thực hiện một số nội dung của Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ.

2. Hợp đồng dịch vụ thoát nước phải được ký kết trước khi tiến hành đấu nối vào hệ thống thoát nước.

3. Các hộ thoát nước đã đấu nối trực tiếp hoặc chảy gián tiếp vào hệ thống thoát nước đô thị trước khi Quy chế này có hiệu lực phải ký hợp đồng với đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước trong thời gian 30 ngày kể từ khi Quy chế này có hiệu lực.

Điều 9. Đấu nối vào hệ thống thoát nước

1. Việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước đô thị được thực hiện giữa đơn vị quản lý vận hành và hộ thoát nước.

2. Ông nối và hồ kiểm tra là các bộ phận của hệ thống thoát nước công cộng và do chủ sở hữu hệ thống hoặc đơn vị quản lý vận hành thiết kế, xây dựng, sửa chữa, thay thế hoặc dỡ bỏ.

3. Các hộ thoát nước đều được cung cấp:

a) Một vị trí đấu nối chung cho cả nước thải và nước mưa nếu thuộc lưu vực của hệ thống thoát nước chung;

b) Một vị trí đầu nối vào tuyến công thoát nước thải và một vị trí đầu nối vào tuyến công thoát nước mưa (nếu thuộc lưu vực của hệ thống thoát nước riêng).

4. Đơn vị quản lý vận hành có quyền giải quyết miễn trừ đầu nối hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đầu nối vào cùng một vị trí đầu nối và một hố kiểm tra. Trong trường hợp này, đơn vị quản lý vận hành sẽ phải chỉ định rõ vị trí của hố kiểm tra và vị trí đầu nối.

5. Hệ thống vệ sinh riêng của khách hàng thoát nước kể từ công trình vệ sinh trong nhà tới điểm đầu nối thuộc về trách nhiệm của khách hàng thoát nước, kể cả xây dựng, sửa chữa, vận hành và bảo dưỡng.

6. Đơn vị quản lý vận hành sẽ kiểm soát việc xây dựng ống nối từ nhà tới hố kiểm tra theo đúng quy cách kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình.

Điều 10. Làm sạch và hút bể phốt

Bể phốt do các hộ dân, các cơ sở sản xuất kinh doanh và các cơ quan (hộ thoát nước) đều phải được làm sạch và hút cạn định kỳ tùy theo các thông số thiết kế bằng kinh phí của chủ hộ hoặc người được chủ hộ ủy quyền. Đơn vị quản lý vận hành có thể tham mưu về kỹ thuật, giám sát việc thực hiện, điều phối các hoạt động có liên quan nếu được yêu cầu và được chủ hộ hoặc người được chủ hộ ủy quyền thanh toán chi phí thực hiện các công tác này.

Điều 11. Tiếp cận với các công trình xả nước thải

1. Hộ thoát nước phải tạo điều kiện cho đơn vị quản lý vận hành tiếp cận tới các công trình xả nước thải bên trong nhà và cung cấp cho đơn vị này các thông số kỹ thuật.

2. Đơn vị quản lý vận hành có quyền lấy mẫu, xét nghiệm nước thải khách quan trong hố kiểm tra trên đường đầu nối của khách hàng bất kỳ lúc nào khi thấy cần thiết. Các kết quả xét nghiệm mẫu được dùng làm cơ sở để tính phí nước thải.

3. Trong trường hợp nước thải của hộ thoát nước bắt buộc phải đi qua khu vực của một chủ sở hữu khác trước khi đến được điểm đầu nối của hệ thống thoát nước đô thị, thì hộ thoát nước có quyền yêu cầu và chủ sở hữu khu vực đó phải có trách nhiệm cho phép đường ống đầu nối của hộ thoát nước đi qua, trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên với sự chứng kiến của chính quyền cấp xã và đơn vị quản lý vận hành.

Điều 12. Miễn trừ đầu nối

1. Trường hợp hộ thoát nước có khuôn viên ở gần nguồn tiếp nhận, chất lượng nước thải xả ra đáp ứng được các yêu cầu theo quy chuẩn xả thải và việc đầu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước thì hộ thoát nước có thể được miễn trừ đầu nối.

2. Trường hợp hộ thoát nước trong khu vực không có hệ thống thoát nước tập trung thì không cần đầu nối. Tuy nhiên, hộ thoát nước phải có trách nhiệm xử lý nước thải của mình.

Điều 13. Tiêu chuẩn dịch vụ

Đơn vị quản lý vận hành phải xây dựng mục tiêu chất lượng dịch vụ, đồng thời công bố với khách hàng làm căn cứ để đánh giá việc thực hiện dịch vụ. Mục tiêu chất lượng dịch vụ là một tài liệu không tách rời của hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng dịch vụ thoát nước.

Điều 14. Tạm thời gián đoạn, chấm dứt cung cấp dịch vụ thoát nước

1. Tạm dừng cung cấp dịch vụ thoát nước khi sửa chữa hoặc thay thế hệ thống thoát nước. Đơn vị quản lý vận hành phải thông báo cho khách hàng trước khi ngừng cung cấp dịch vụ trước 03 (ba) ngày và phải có giải pháp thích hợp để hạn chế thiệt hại do việc ngừng cung cấp dịch vụ, bảo đảm không gây phiền hà cho khách hàng và áp dụng các giải pháp thay thế tạm thời. Trong trường hợp đơn vị quản lý vận hành không thông báo hoặc không có giải pháp thay thế tạm thời mà gây thiệt hại cho khách hàng thì bị xử phạt và phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị quản lý vận hành không được phép đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ. Trong trường hợp khách hàng không thực hiện trách nhiệm chi trả tiền phí thoát nước hoặc tự ý thay đổi, sửa chữa hệ thống thoát nước mà không có sự thỏa thuận với đơn vị quản lý vận hành hoặc vi phạm Quy chế quản lý thoát nước thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Khi đó, đơn vị quản lý vận hành sẽ yêu cầu đơn vị cấp nước chấm dứt hợp đồng cấp nước. Việc cấp nước trở lại chỉ được thực hiện khi khách hàng đã khắc phục toàn bộ các hậu quả hoặc hoàn thành việc chấp hành việc xử phạt hoặc bồi thường do các vi phạm của khách hàng gây ra.

3. Khi khách hàng vi phạm Quy chế này nhưng chưa gây tác động xấu tới môi trường, đơn vị quản lý vận hành sẽ gửi thông báo lần thứ nhất về việc vi phạm và yêu cầu khắc phục. Nếu khách hàng không khắc phục trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo lần thứ nhất, đơn vị quản lý vận hành sẽ gửi thông báo lần thứ hai. Nếu khách hàng vẫn không khắc phục trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, đơn vị quản lý vận hành sẽ yêu cầu đơn vị cấp nước chấm dứt hợp đồng cấp nước. Việc cấp nước trở lại chỉ được thực hiện khi khách hàng đã khắc phục toàn bộ các hậu quả hoặc hoàn thành việc chấp hành việc xử phạt hoặc bồi thường do các vi phạm của khách hàng gây ra.

4. Trường hợp khách hàng vi phạm Quy chế này và gây hậu quả xấu cho môi trường, đơn vị quản lý vận hành sẽ yêu cầu khách hàng khắc phục hậu quả. Trong trường hợp khách hàng không khắc phục, đơn vị quản lý vận hành sẽ yêu cầu đơn vị cấp nước chấm dứt hợp đồng cấp nước, đồng thời khách hàng sẽ bị xử lý theo pháp luật. Việc cấp nước trở lại chỉ được thực hiện khi khách hàng đã khắc phục toàn bộ các hậu quả hoặc hoàn thành việc chấp hành việc xử phạt hoặc bồi thường do các vi phạm của khách hàng gây ra.

5. Nếu trên điểm xả xảy ra sự cố thì đơn vị quản lý vận hành phải báo cáo chủ sở hữu và khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất, chậm nhất là 15 ngày làm việc, đồng thời phải có biện pháp hạn chế tối đa thiệt hại cho môi trường xung quanh.

CHƯƠNG III PHÍ THOÁT NƯỚC

Điều 15. Đối tượng phải thanh toán phí thoát nước

1. Hộ thoát nước, xả nước thải vào hệ thống thoát nước thải phải thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn phí thoát nước cho đơn vị vận hành cung ứng dịch vụ.
2. Hộ thoát nước, xả nước thải trực tiếp ra môi trường có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 25/2003/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 16. Lập và trình duyệt phương án phí thoát nước

1. Trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định, quyết định phí thoát nước theo Điều 55 của Nghị định 88/2007/NĐ-CP.
2. Phương án thu phí thoát nước được tính toán trên cơ sở sau:
 - a) Đánh giá việc sử dụng nước sạch, việc xả nước thải trên địa bàn;
 - b) Đánh giá nhu cầu, khả năng đầu tư phát triển hệ thống thoát nước trên địa bàn;
 - c) Dự toán các chi phí vận hành được lập theo quy định tại Thông tư số 06/2008/TTBXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;
 - d) Doanh thu phí thoát nước được phê duyệt quyết toán;
 - e) Đánh giá và dự báo phát triển kinh tế - xã hội, mức sống, thu nhập hiện tại của các hộ thoát nước trên địa bàn trong thời gian 5 (năm) năm tiếp theo, tỷ lệ lạm phát và khả năng thanh toán của các hộ;
 - f) Các kiến nghị về các phương án thu phí thoát nước cụ thể và lộ trình tăng phí thoát nước dựa trên các chi phí vận hành bảo dưỡng, các chi phí trả nợ vốn vay đầu tư (nếu có), doanh thu từ phí thoát nước và mức độ hỗ trợ của địa phương tương ứng với phương án nêu trên.

Điều 17. Nguyên tắc tính phí thoát nước và xác định khối lượng nước thải thu phí

1. Nguyên tắc tính phí thoát nước
 - a) Phương án phí thoát nước được xác định trên nguyên tắc hướng tới thu hồi chi phí để duy trì dịch vụ thoát nước.
 - b) Phí thoát nước được quyết định phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ; phù hợp với đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, có lộ trình tăng dần và hướng tới mục tiêu đủ chi trả cho chi phí quản lý, vận hành và đóng góp một phần chi phí đầu tư xây dựng công trình thoát nước.
 - c) Ngân sách địa phương phải bảo đảm bù đủ chi phí quản lý, vận hành, duy trì dịch vụ thoát nước trên địa bàn trong trường hợp nguồn thu từ phí thoát nước được quyết định thấp hơn chi phí thực tế.
2. Xác định khối lượng nước thải thu phí
 - a) Trường hợp hộ thoát nước thải sinh hoạt có sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước thành phố, thị trấn, khối lượng nước thải tính phí bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ ghi trên hóa đơn tiền nước.

b) Trường hợp hộ thoát nước thải sinh hoạt không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước thành phố, thị trấn, khối lượng nước thải tính phí được xác định dựa trên mức khoán $4\text{m}^3/\text{người/tháng}$.

Điều 18. Xác định mức thu phí thoát nước

Thực hiện theo Điều 53 Nghị định 88/2007/NĐ-CP của Chính phủ:

Mức thu phí thoát nước đối với các hộ thoát nước được xác định theo công thức sau:

$$F = f \times V \times K$$

Trong đó:

- f là phí thoát nước được xác định theo tỷ lệ % và không thấp hơn 10% giá tiêu thụ nước sạch áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước khác nhau.

- V là khối lượng nước thải thu phí được xác định theo quy định tại Điều 17 của quy chế này.

- K là hệ số điều chỉnh phụ thuộc hàm lượng chất gây ô nhiễm xác định theo quy định tại Điều 52, Điều 53 Nghị định 88/2007/NĐ-CP; đối với nước thải sinh hoạt, lấy hệ số $K = 1$.

Điều 19. Điều chỉnh phí thoát nước.

1. Phí thoát nước được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Điều 56 Nghị định 88/2007/NĐ-CP của Chính phủ cụ thể như sau:

a) Khi có sự đầu tư thay đổi cơ bản về công nghệ xử lý nước thải, chất lượng dịch vụ thoát nước;

b) Thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước.

c) Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, mức sống, thu nhập hiện tại của các hộ thoát nước trên địa bàn có thay đổi.

2. Quy trình, thủ tục lập, thẩm định phí thoát nước thực hiện theo Khoản 1 Điều 16 của Quy chế này.

Điều 20. Sử dụng phí thoát nước.

Nguồn thu từ phí thoát nước do chủ sở hữu công trình thoát nước quản lý và chỉ được sử dụng cho các hoạt động thoát nước gồm:

1. Thanh toán các chi phí thực hiện dịch vụ vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa.

2. Thanh toán dịch vụ thu phí.

3. Đầu tư bổ sung để duy trì và phát triển hệ thống thoát nước.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành có đủ năng lực thông qua hình thức đấu thầu hoặc giao thầu đảm bảo theo quy định tại Điều 27 của Nghị định 88/2007/NĐ-CP.

2. Ký hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị quản lý vận hành.

3. Thanh toán tiền cho đơn vị quản lý vận hành theo hợp đồng.

4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm bố trí đủ nguồn lực để mở rộng, cải tạo nâng cấp, hiện đại hóa, phát triển hệ thống và đóng vai trò là chủ đầu tư.

5. Chủ sở hữu có trách nhiệm chăm lo dịch vụ thoát nước cho cộng đồng, thực hiện giám sát quan trắc định kỳ chất lượng nước thải, đảm bảo nước thải sau hệ thống đạt các Quy chuẩn quy định, hỗ trợ thực hiện và đảm bảo thanh toán cho nhà thầu quản lý, vận hành. Chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước

1. Nước thải từ khi được xả vào hệ thống thoát nước trở thành tài sản của đơn vị quản lý vận hành.

2. Quyền của đơn vị quản lý vận hành thông qua hợp đồng quản lý vận hành phải bao gồm:

a) Ký hợp đồng dịch vụ với khách hàng và thực hiện mọi hoạt động theo hợp đồng dịch vụ đã ký;

b) Thu phí thoát nước;

c) Nhận thanh toán đúng thời hạn đã quy định trong hợp đồng quản lý vận hành, yêu cầu bồi thường thiệt hại tài chính do việc thanh toán chậm gây ra đã được cam kết trong hợp đồng;

d) Đề nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xem xét bổ sung và sửa đổi quy chuẩn, tiêu chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật và cơ chế, chính sách có liên quan tới các hoạt động thoát nước;

e) Báo cáo với chủ sở hữu và đề nghị các cơ quan hữu quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của tổ chức, cá nhân đã gây thiệt hại tới hoạt động thoát nước.

3. Nghĩa vụ của đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước gồm:

a) Vận hành và bảo dưỡng hệ thống thoát nước, bảo đảm việc cung cấp các dịch vụ thoát nước cho khách hàng cả về chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng dịch vụ đã ký.

b) Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh có liên quan đến dịch vụ thoát nước; ký kết các hợp đồng dịch vụ với khách hàng, giải quyết các khiếu nại về dịch vụ thoát nước bảo đảm quyền lợi chính đáng của khách hàng.

c) Quản lý các tài sản do chủ sở hữu giao, thường xuyên theo dõi sự hoạt động của các công trình thoát nước và báo cáo với chủ sở hữu tài sản.

d) Theo dõi và báo cáo với chủ sở hữu về hiệu quả hoạt động của hệ thống thoát nước.

e) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước, bảo đảm việc thu gom, xử lý và xả nước vào môi trường theo thỏa thuận và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; sửa chữa kịp thời các hư hỏng, sự cố công trình;

f) Bồi thường thiệt hại gây ra cho khách hàng theo quy định của pháp luật, các thỏa thuận ghi trong hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng dịch vụ;

g) Thực hiện vận hành bảo dưỡng hệ thống thoát nước và các tài sản khác có liên quan theo đúng các quy trình tác nghiệp đã được phê duyệt;

h) Theo dõi, quản lý, thiết lập cơ sở dữ liệu các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý; phối hợp với đơn vị cấp nước hoặc trực tiếp thu phí thoát nước theo quy định;

i) Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống thoát nước hàng năm hoặc đột xuất trình chủ sở hữu phê duyệt;

k) Xây dựng dự thảo về phí thoát nước gửi Sở Xây dựng, Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của các hộ xả nước thải và nước mưa

1. Các đối tượng phát sinh ra nước thải sinh hoạt và nước thải khác đều có quyền và nghĩa vụ đầu nối theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật vào hệ thống thoát nước công cộng nếu hệ thống này đã được xây dựng và sẵn sàng để sử dụng. Công việc này phải hoàn tất trong vòng 03 (ba) tháng kể từ khi có đơn yêu cầu đầu nối.

2. Hộ xả nước thải sinh hoạt và không phải nước thải sinh hoạt nằm trong vùng phục vụ của hệ thống thoát nước đều phải trả tiền cho các dịch vụ thoát nước.

3. Hộ xả nước thải đầu nối với hệ thống thoát nước đô thị có quyền:

a) Được cung cấp các dịch vụ trong Quy chế này;

b) Yêu cầu đơn vị quản lý vận hành kịp thời sửa chữa hoặc khôi phục hệ thống thoát nước bị hư hỏng;

c) Được bồi thường các mất mát, hư hỏng do đơn vị quản lý vận hành gây ra.

4. Đối với các công trình, nhà ở mới được xây dựng, việc đầu nối phải được hoàn tất trước khi nhà ở, công trình đó đưa vào sử dụng.

5. Trường hợp trong một khu đất do một chủ sở hữu mà có nhiều hộ thoát nước thì tất cả các hộ thoát nước đều bình đẳng, có quyền và nghĩa vụ như trên.

6. Các hộ tự xử lý nước thải sau đó xả trực tiếp vào môi trường cần phải:

a) Tuân thủ quy chuẩn xả thải vào môi trường;

b) Có Giấy phép xả thải của cơ quan có thẩm quyền;

c) Có sự chấp thuận của đơn vị quản lý vận hành đồng ý miễn trừ đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị.

7. Các hộ thoát nước gián tiếp phải tự trang bị trạm bơm dâng bằng kinh phí của mình nếu nước thải của hộ đó không tự chảy được vào hệ thống thoát nước đô thị.

8. Các hộ thoát nước gián tiếp chịu trách nhiệm về chất lượng nước mưa và mọi loại nước thải phát sinh trong phạm vi ranh giới khu đất của mình.

9. Hộ thoát nước thải sử dụng các dịch vụ thoát nước có nghĩa vụ phải trả phí thoát nước theo đúng quy định cho đơn vị quản lý, vận hành.

10. Hộ thoát nước làm hư hỏng tài sản của các hộ khác, làm hư hại hệ thống thoát nước hoặc gây ảnh hưởng xấu tới môi trường đều phải bồi thường thiệt hại.

CHƯƠNG V

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24. Thanh tra, kiểm tra

Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về thoát nước do các cơ quan có thẩm quyền tiến hành. Khi phát hiện có vi phạm thì áp dụng ngay các biện pháp ngăn chặn và xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời kiến nghị các cơ quan chức năng khắc phục các sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý, thực hiện, không để các đối tượng lợi dụng vi phạm.

Điều 25. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm quy chế về quản lý thoát nước.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Trong thời gian khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện, các tổ chức, cá nhân vẫn phải thi hành quyết định hành chính của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về thoát nước. Khi có quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc quyết định của tòa án có hiệu lực thì thi hành theo các quyết định, bản án đó.

Điều 26. Xử lý vi phạm, khen thưởng

1. Xử lý vi phạm

a) Mọi tranh chấp về hoạt động thoát nước, công trình thoát nước đơn vị quản lý thoát nước và hộ thoát nước sẽ được xử lý hoặc giải quyết theo các quy định tại Quy chế này. Trường hợp không có điều khoản áp dụng thì xử lý hoặc giải quyết theo Nghị định 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ.

b) Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện, phòng ngừa, kiến nghị xử lý kịp thời những vi phạm quy định quản lý thoát nước.

c) Tổ chức, cá nhân vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động thoát nước được quy định tại Điều 4 của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý theo quy định.

d) Trường hợp các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân thì đối tượng vi phạm phải bồi thường thiệt hại.

e) Thẩm quyền xử lý vi phạm, hình thức và mức độ xử lý thực hiện theo Luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành; Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về Quản lý xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở; Nghị định 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

f) Nếu hộ thoát nước cung cấp thông tin sai lệch về chất lượng, khối lượng nước thải sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân phát hiện đối tượng vi phạm quy định trên, kịp thời báo cáo cho đơn vị quản lý thoát nước, Ủy ban nhân dân phường, xã gần nhất sẽ được xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG VI

TRÁCH NHIỆM CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong hoạt động thoát nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh; Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân thành phố, thị trấn lựa chọn đơn vị quản lý vận hành có đủ năng lực theo địa bàn quản lý.

3. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bổ sung các định mức, đơn giá dịch vụ thoát nước đô thị còn thiếu hoặc chưa phù hợp trên địa bàn tỉnh để áp dụng; thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá dự toán hợp đồng quản lý vận hành; thỏa thuận mẫu hợp đồng được lập giữa hộ thoát nước với đơn vị vận hành; tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về số liệu, tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất; xử phạt hành vi vi phạm các quy định về khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước (theo Điều 46 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về Quản lý xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở).

4. Sở Tài nguyên và môi trường thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động thoát nước; thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường của tổ chức vận hành hệ thống thoát nước; tổng hợp số liệu về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tại địa phương trên địa bàn toàn tỉnh để báo cáo cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

5. Sở Tài chính, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí thoát nước sinh hoạt trên địa bàn; hướng dẫn việc quản lý tài chính; kiểm tra và thẩm định quyết toán sử dụng phí thoát nước theo quy định.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi; quản lý việc cấp, thu hồi giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi.

8. Ủy ban nhân dân thành phố, thị trấn, các xã, phường, trưởng các khu phố và khu dân cư thôn xóm chịu trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý vận hành, các tổ chức quần chúng và tổ chức xã hội để tuyên truyền, giáo dục

và truyền thông vấn đề bảo vệ môi trường; hướng dẫn các tổ chức, các hộ dân, cá nhân bảo vệ hệ thống thoát nước, phát hiện kịp thời và ngăn chặn các vi phạm có ảnh hưởng xấu với môi trường và nguồn nước, làm hư hỏng, phá hủy các công trình thoát nước.

9. Cảnh sát Môi trường là đơn vị giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực thi, xử lý các vi phạm pháp luật trong các hoạt động thoát nước (áp dụng theo Điều 46 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ).

10. Cục thuế tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, quyết toán việc thu, nộp, quản lý phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của đơn vị cung cấp nước sạch và cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

11. Đơn vị cung cấp nước sạch tại địa phương có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thu phí;

b) Tổng hợp số liệu về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt, gửi báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường vào ngày 25 hàng tháng.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn các tổ chức và hộ thoát nước thực hiện các điều, khoản của Quy chế này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, thị trấn và các giám đốc sở, ngành liên quan, giám đốc đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm quản lý nước thải trên địa bàn theo các quy định trong Quy chế này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế nếu các văn bản pháp luật của Trung ương có liên quan được ban hành thì thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật hiện hành; các cơ quan, đơn vị, cá nhân gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh././

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Sinh

Phạm Văn Sinh